

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2023/DS-PT
Ngày 17-4-2023
Về/v tranh chấp thừa kế, tranh chấp
quyền sử dụng đất và hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- T3 phân Hội đồng xét xử P1c thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử P1c thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1948. Địa chỉ cư trú: Số 24 đường N, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Ông Bùi Văn V, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: Số 30 đường V1, Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1955 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S:

3.1. Ông Bùi Phước T1, sinh năm 1956;

3.2. Bà Bùi Thị Thanh T2, sinh năm 1982;

3.3. Ông Bùi Phước T3, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 148/14 Quốc lộ 1, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An.

4. Bà Bùi Thị Bạch T4, sinh năm 1959.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4: Bà Trần Hoàng Thanh L, sinh năm 1987. Cùng địa chỉ cư trú: Số 11 đường P, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019).

5. Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1936 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Y:

5.1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã M, huyện T5 tỉnh Long An.

5.2. Ông Phạm Văn T1. Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã M, huyện T5 tỉnh Long An.

5.3. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã M, huyện T5 tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Bùi Thanh L2, sinh năm 1947 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L2:

1.1. Bà Đinh Thị Lệ H, sinh năm 1950;

1.2. Ông Bùi Hoàng S, sinh năm 1979;

1.3. Bà Bùi Thị Hương T12.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 148 đường T6, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

1.4. Bà Bùi Thị Hương T13, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Số 235/55/6 khu phố 2, Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

1.5. Bà Bùi Thị Hương T14. Địa chỉ cư trú: Số 39 đường N, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

1.6. Ông Bùi Hoàng T15. Địa chỉ cư trú: Số 40 đường D19, Khu dân cư A, phường P2, Thành phố T17, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Bùi Thanh Q, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Số 146 đường T6, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Hoàng S, sinh năm 1979;

2. Bà Đinh Thị Lệ H, sinh năm 1950;

3. Bà Bùi Thị Ngọc L3, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 148 đường T6, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn Thế T7, ông Nguyễn Thế H1 và bà Trang Thanh B1 cùng là luật sư của Công ty Luật Pháp Quốc Tế thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Số 146 đường T6, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An.

5. Ông Nguyễn Châu Sĩ P1, sinh năm 1970;

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc T8, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 34 đường số 14, Khu đô thị mới H3, Khu phố 5, phường T9, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P1 và bà T8: Ông Nguyễn Phương K, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Số 76 đường N1, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Long An (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 18/12/2018).

7. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1976;

8. Bà Dương Thị T10, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã M, huyện T5, tỉnh Long An.

9. Văn phòng công chứng P2. Địa chỉ trụ sở: Số 264 Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của Văn phòng công chứng P2: Ông Lê Hữu S – Chuyên viên văn phòng (theo Văn bản uỷ quyền ngày 17/12/2018).

10. Ủy ban nhân dân xã M1, huyện T5, tỉnh Long An. Địa chỉ trụ sở: ĐH 28, xã M1, huyện T5, tỉnh Long An.

11. Ủy ban nhân dân huyện T5, tỉnh Long An. Địa chỉ trụ sở: Số 7 đường T11, thị trấn T5, huyện T5, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện T5: Ông Đinh Văn S1 – Chủ tịch.

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, Bà Bùi Thị Hương T13 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

(Bà L, ông V, bà T2, bà L, ông B, ông S, bà T10, ông K và ông Đỗ Văn B có mặt, những đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của các nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc L, ông Bùi Văn V, bà Bùi Thị S, bà Bùi Thị Y và bà Bùi Thị Bạch T4 (do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) có nội dung như sau:

Cụ Bùi Văn T16 (chết năm 1996) và cụ Phan Thị C1 (chết năm 2005) sống với nhau có 07 người con là Bùi Thị Y (đã chết, có 3 người con là Phạm Văn B, Phạm Văn T1 và Phạm Thị C), Bùi Thanh L2, Bùi Thị Ngọc L, Bùi Văn V, Bùi Thị S, Bùi Thanh Q và Bùi Thị Bạch T4. Khi còn sống hai cụ tạo lập được các tài sản gồm:

- Thừa đất số 173, tờ bản đồ số 9, diện tích 345,8m² và ngôi nhà tại số 148 đường T6, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An. Hiện do vợ ông Bùi Thanh

L2 là bà Đinh Thị Lệ H và các con là ông Bùi Hoàng S và bà Bùi Thị Ngọc L3 đang quản lý, sử dụng.

- Thừa số 174, tờ bản đồ số 9, diện tích 202,7m² và ngôi nhà tại số 146 đường T6, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Long An. Hiện do ông Bùi Thanh Q và bà Đặng Thị H2 (vợ ông Q) đang quản lý, sử dụng.

- Thừa số 636, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.709m² tại ấp 2, xã M1, huyện T5, tỉnh Long An. Trong đó các anh chị em đã thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Y 13.000m² với giá 54.000.000đ, hiện chỉ còn lại 709m².

Do hai cụ chết đều không để lại di chúc nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản trên, cụ thể:

- Đối với thừa đất số 173, 174, ngôi nhà tại số 146 và 148 T6: Nguyên đơn yêu cầu chia theo pháp luật, bà T4 và bà S yêu cầu nhận hiện vật, bà Y và ông V yêu cầu nhận giá trị bằng tiền. Đối với kỷ phần của bà L tại thừa 173 và ngôi nhà tại số 148 T6 thì bà L tặng cho lại bà Bùi Thị S.

- Đối với thừa số 636: Bà L, bà S, bà T4 và bà Y yêu cầu chia theo pháp luật đối với diện tích 709m²; đối với số tiền 54.000.000đ mà các anh chị em đã chuyển nhượng cho bà Y thì không yêu cầu chia. Riêng ông V không đồng ý việc chuyển nhượng QSDĐ đối với phần diện tích 13.000m² thừa 636 giữa bà Y với ông Nguyễn Châu Sĩ P1 cũng như giữa ông Nguyễn Châu Sĩ P1 với ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 vì mặc dù ông có ký tên vào văn bản thể hiện nội dung các anh chị em của ông “bán ruộng” nhưng không có ai đưa tiền cho ông và ông cũng không biết gì về việc chuyển nhượng đất giữa cha ông với bà Y, bà Y với ông P1 cũng như giữa ông P1 với ông B và bà T10. Do đó, ông yêu cầu chia thừa kế cả phần diện tích 13.000m² và xác định phần thừa kế mà ông được nhận là khoảng 2.000m², có giá trị là 130.000.000đ.

Ông Bùi Hoàng S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Bùi Thanh L2 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Đối với thừa 173 và ngôi nhà số 148 T6 hiện do mẹ ông và ông đang quản lý, sử dụng thì ông xác định đây không phải là di sản thừa kế của cụ T14 và cụ C1. Đối với thừa 174, căn nhà số 146 T6 và thừa 636 thì ông thống nhất đây là di sản thừa kế của cụ T16 và cụ C1, ông đồng ý chia theo pháp luật đối với các phần nhà đất này.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tắt là HĐCNQSDĐ) giữa hai ông bà với ông Nguyễn Châu Sĩ P1 thì ông không đồng ý, bởi việc tặng cụ T16 tặng cho bà Bùi Thị Y phần diện tích đất này không đúng quy định pháp luật nên kéo theo các giao dịch sau cũng không đúng quy định.

Bị đơn ông Bùi Thanh Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Hiện nay ông và vợ ông đang quản lý, sử dụng đối với phần diện tích 159m² thuộc thửa 174 và căn nhà số 146 T6. Đây là tài sản do cụ T16 và cụ C1 đã cho ông trước khi chết, ông đã đăng ký quyền sử dụng, riêng căn nhà trong quá trình sử dụng ông cũng đã sửa chữa thêm. Do đó, ông không đồng ý chia thừa kế đối với phần tài sản này. Ông chỉ đồng ý chia phần diện tích đất còn lại là 43,7m² thuộc thửa một phần thửa số 174. Trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế phần nhà đất theo yêu cầu của các nguyên đơn, ông không yêu cầu định giá phần ông đã bồi đắp và sửa chữa nhà.

Đối với thửa 173 và căn nhà tại số 148 T6: Do khi còn sống cha mẹ ông có ý chí là để lại làm nhà thờ cho con cháu nên ông yêu cầu không chia phần di sản này mà để lại làm nhà thờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 thống nhất trình bày:

Ông bà đã nhận chuyển nhượng phần diện tích 13.081m² đất thuộc các thửa số 636, 1388 và một phần thửa số 551, tờ bản đồ số 2 từ ông P1 và bà T8. Ông bà yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì các ông bà sẽ tự giải quyết hậu quả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Châu Sĩ P1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T8 do ông Nguyễn Phương K là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông P1 và bà T8 thống nhất với lời trình bày của ông B và bà T10, đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trường hợp Toà án giải quyết vô hiệu thì các ông bà sẽ tự thương lượng giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Phạm Quốc Tuấn do ông Lê Hữu S là người đại diện theo uỷ quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Việc công chứng HĐCNQSDĐ giữa ông Nguyễn Châu Sĩ P1, bà Nguyễn Thị Ngọc T8 với ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục. Khi thực hiện công chứng, Văn phòng công chứng cũng đã áp dụng các quy định của pháp luật về dân sự để thực hiện công chứng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố T đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh L2 được quyền sử dụng 350,5m² đất thuộc thửa số 173 tờ bản đồ số 9 Phường 2 thành phố T tỉnh Long An (theo Mảnh trích đo địa chính số 2629-2018, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố T duyệt vào ngày 03 tháng 8 năm 2018).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh L2 có nghĩa vụ hoàn trả tiền cho:

- Ông Bùi Thanh Q: 1.265.927.000 đồng;
- Ông Bùi Văn V: 1.166.937.000 đồng
- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Y: 1.265.927.000 đồng;
- Bà Bùi Thị Bạch T4: 1.265.927.000 đồng;
- Bà Bùi Thị S: 2.531.854.000 đồng

Ông Bùi Văn V được quyền sử dụng 1.042m² đất thuộc một phần thửa số 551 tờ bản đồ số 2 xã M1 huyện T5 tỉnh Long An (theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T5 duyệt ngày 27 tháng 3 năm 2012).

Ông Bùi Thanh Q được quyền sử dụng 197,9m² đất thuộc thửa 174 tờ bản đồ số 9 Phường 2 thành phố T tỉnh Long An (theo Mảnh trích đo địa chính số 2629-2018, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại thành phố T duyệt vào ngày 03 tháng 8 năm 2018).

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Châu Sĩ P1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T8 với ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10, được xác lập vào ngày 14 tháng 10 năm 2015 tại Văn phòng công chứng Minh Thụ (nay là Văn phòng công chứng Phạm Quốc Tuấn) đối với 13.081m² đất thuộc các thửa số 636, 1388 và một phần thửa số 551 tờ bản đồ số 2 xã M1 huyện T5 tỉnh Long An.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh L2, ông Bùi Thanh Q, ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 có quyền thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 27/01/2023, Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của bà Đinh Thị Lệ H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Bùi Thanh L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 31/01/2023, Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của ông Bùi Hoàng S và ngày 01/02/2023 Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Hương T12 và bà Bùi Thị Hương T13 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Bùi Thanh L2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cải sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất thửa 173 và căn nhà số 148 T6, không chia thừa kế cho ông V và ông Q, đồng thời huỷ hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Y và cụ T16.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế, cụ thể:

- Xác định di sản thừa kế của cụ T16 và cụ C1 gồm phần diện tích 350,5m² thuộc thửa 173 và phần diện tích 1.042m² thuộc một phần thửa 551.

- Đối với phần diện tích 350,3m² T10ộc thửa đất số 173: Các đương sự thống nhất chia thành 08 kỷ phần, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông L2 được hưởng 02 kỷ phần, các thừa kế còn lại mỗi người được hưởng 01 kỷ phần.

- Đối với phần diện tích 1.042m² thuộc một phần thửa số 551 vẫn thuộc QSDĐ của ông Bùi Văn T16 nên được xác định là di sản thừa kế. Các đương sự thống nhất chia làm 07 kỷ phần, mỗi người được nhận 01 kỷ phần. Ông Bùi Văn V được nhận hiện vật là QSDĐ, ông V sẽ hoàn lại số tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Các đương sự thống nhất với kết quả định giá ngày 26/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản đối với thửa số 173 là 25.000.000đ/m², tổng giá trị QSDĐ thửa 173 là 8.762.500.000đ. Thống nhất kết quả định giá ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản đối với thửa số 551 là 95.000đ/m², tổng giá trị QSDĐ là 98.990.000đ.

Bà Bùi Thị Ngọc L tặng kỷ phần thừa kế của mình cho bà Bùi Thị Thanh T2.

- Đối với thửa đất 174 và HĐCNQSDĐ giữa ông Nguyễn Châu Sĩ P1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T8 với ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 đối với phần diện tích 13.081m² thuộc các thửa đất số 636, 1388 và một phần thửa đất số 551 thì các đương sự vẫn thống nhất giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

- Đối với kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bị đơn Bùi Thanh L2 là bà Đinh Thị Lệ H và bà Bùi Thị Hương T12: Xét thấy bà H và bà T12 đã được Tòa triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H và bà T12.

- Đối với kháng cáo của bà Bùi Thị Hương T13 và ông Bùi Hoàng S: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở công nhận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Bùi Thanh L2 là bà Đinh Thị Lệ H và bà Bùi Thị Hương T12 đã được Tòa triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà H và bà T12.

[4] Đối với kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Bùi Thanh L2 là bà Bùi Thị Hương T13 và ông Bùi Hoàng S thì tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế, cụ thể:

[5] Xác định di sản thừa kế của cụ T16 và cụ C1 gồm phần diện tích 350,5m² thuộc thửa 173 và phần diện tích 1.042m² thuộc một phần thửa 551.

[6] Chia thừa kế theo pháp luật đối với QSDĐ thửa 173, diện tích 350,5m² làm 08 kỷ phần cho 07 người con của cụ T16 và cụ C1 gồm bà Y, ông L2, bà L, ông V, bà S, ông Q và bà T4, mỗi kỷ phần có giá trị $8.762.500.000\text{đ}/8 = 1.095.312.500\text{đ}$. Trong đó ông L2 được 02 kỷ phần, còn lại mỗi người 01 kỷ phần. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất này và sẽ hoàn lại giá trị chênh lệch kỷ phần được nhận cho bà Y, ông V, bà S, ông Q và bà T4 mỗi người với số tiền 1.095.312.500đ.

[7] Chia thừa kế theo pháp luật đối với QSDĐ thửa 551, diện tích 1.042m² làm 07 kỷ phần cho 07 người con của cụ T16 và cụ C1 gồm bà Y, ông L2, bà L, ông V, bà S, ông Q và bà T4, mỗi người 01 kỷ phần với giá trị $98.990.000\text{đ}/7 = 14.141.428\text{đ}$. Ông V được nhận hiện vật là phần diện tích đất này và sẽ hoàn lại

giá trị chênh Lch kỷ phần được nhận cho bà Y, ông L2, bà S, ông Q và bà T4 mỗi người với số tiền 14.141.428đ.

[8] Do bà L tặng cho kỷ phần của mình cho bà T2 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S) nên bà T2 được hưởng kỷ phần thừa kế của bà L. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L2 phải hoàn lại cho bà T2 số tiền 1.095.312.500đ; ông V phải hoàn lại cho bà T2 số tiền 14.141.428đ.

[9] Đối với thửa đất 174 và HĐCNQSDĐ giữa ông Nguyễn Châu Sĩ P1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T8 với ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 đối với phần diện tích 13.081m² thuộc các thửa đất số 636, 1388 và một phần thửa đất số 551 thì các đương sự vẫn thống nhất giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[10] Xét thấy việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng cộng 25.760.000đ. Bà L tự nguyện chịu 11.650.000đ, ông V tự nguyện chịu 6.500.000đ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà S tự nguyện chịu 2.910.000đ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L2 phải chịu 4.700.000đ. Tất cả đã nộp xong.

[12] Về án phí: Căn cứ các Điều 12, 26, 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do bà L, ông V, bà S, bà T4, bà Y, ông L2 và ông Q là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu độc lập được chấp nhận; Bà Đinh Thị Lệ H được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi; Ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12 và bà Bùi Thị Hương T13 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đinh Thị Lệ H và bà Bùi Thị Hương T12.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 300 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 468, 609, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 95 và 99 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 26, 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án sơ thẩm số 110/2022/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện thành phố T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T16 và cụ Phan Thị C1 gồm phần diện tích 350,5m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 9, đất toạ lạc tại Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An và phần diện tích 1.042m² thuộc một phần thửa đất số 551, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã M1, huyện T5, tỉnh Long An.

2. Chia thừa kế phần diện tích 350,5m² thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 9, đất toạ lạc tại Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15) được quyền sử dụng phần diện tích 350,5m² thuộc thửa đất số 173 (khu A), tờ bản đồ số 9, đất toạ lạc tại Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 2629-2018 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/7/2018 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T duyệt ngày 03/8/2018.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15) phải hoàn lại cho: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Bùi Thị Y (gồm ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị C), ông Bùi Văn V, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Bùi Thị S (gồm ông Bùi Phước T1, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Bùi Phước T3), ông Bùi Thanh Q, bà Bùi Thị Bạch T4, mỗi người với số tiền 1.095.312.500đ (một tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

- Ghi nhận việc tặng cho kỷ phần thừa kế của bà Bùi Thị Ngọc L ở thửa đất số 173 cho bà Bùi Thị Thanh T2. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15) phải hoàn lại cho bà Bùi Thị Thanh T2 số tiền 1.095.312.500đ (một tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Chia thừa kế phần diện tích 1.042m² thuộc một phần thửa đất số 551, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã M1, huyện T5, tỉnh Long An.

- Ông Bùi Văn V được quyền sử dụng phần diện tích 1.042m² thuộc một phần thửa đất số 551, tờ bản đồ số 2, đất toạ lạc tại xã M1, huyện T5, tỉnh Long An theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 19/3/2012 và được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T5 duyệt ngày 27/3/2012.

- Ông Bùi Văn V phải hoàn lại cho: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bà Bùi Thị Y (gồm ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị C), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương

T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị S (gồm ông Bùi Phước T1, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Bùi Phước T3), ông Bùi Thanh Q và bà Bùi Thị Bạch T4, mỗi người với số tiền 14.141.428đ (mười bốn triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng).

- Ghi nhận việc tặng cho kỷ phần thừa kế của bà Bùi Thị Ngọc L ở thửa đất số 551 cho bà Bùi Thị Thanh T2. Ông Bùi Văn V phải hoàn lại cho bà Bùi Thị Thanh T2 số tiền 14.141.428đ (mười bốn triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng).

4. Ông Bùi Thanh Q được quyền sử dụng phần diện tích 197,9m² T10ộc thửa đất số 174 (khu B và D), tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 2629-2018 do Công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 30/7/2018 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T duyệt ngày 03/8/2018.

5. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/10/2015 giữa ông Nguyễn Châu Sĩ P1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T8 với ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 đối với phần diện tích 13.081m² thuộc các thửa đất số 636, 1388 và một phần thửa đất số 551, cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã M1, huyện T5, tỉnh Long An do Văn phòng công chứng Minh Thư (nay là Văn phòng công chứng Phạm Quốc Tuấn) công chứng số 2320, quyền số 02-TP/CC-SCC/HĐGD.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Tổng cộng 25.760.000đ (hai mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà Bùi Thị Ngọc L tự nguyện chịu 11.650.000đ (mười một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng), ông Bùi Văn V tự nguyện chịu 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị S (gồm ông Bùi Phước T1, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Bùi Phước T3) tự nguyện chịu 2.910.000đ (hai triệu, chín trăm mười nghìn đồng), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15) phải chịu 4.700.000đ (bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng). Tất cả đã nộp xong.

8. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Ngọc L, ông Bùi Văn V, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị S (gồm ông Bùi Phước T1, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Bùi Phước T3), bà Bùi Thị Bạch T4, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Y (gồm ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị C), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ

H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15) và ông Bùi Thanh Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Bùi Văn V 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp theo Biên lai thu số 008692 ngày 25/4/2005 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T) và 3.250.000đ (ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp theo Biên lai thu số 0002659 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

- Hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị S (gồm ông Bùi Phước T1, bà Bùi Thị Thanh T2 và ông Bùi Phước T3) số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo Biên lai thu số 008691 ngày 25/4/2005 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

- Hoàn trả cho bà Bùi Thị Bạch T4 số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T4 đã nộp theo Biên lai thu số 008690 ngày 25/4/2005 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

- Hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Y (gồm ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị C) số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo Biên lai thu số 008729 ngày 12/5/2005 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

- Hoàn trả cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh L2 (gồm bà Đinh Thị Lệ H, ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12, bà Bùi Thị Hương T13, bà Bùi Thị Hương T14 và ông Bùi Hoàng T15) số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông L2 đã nộp theo Biên lai thu số 0003028 ngày 11/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T và 8.800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông L2 đã nộp theo Biên lai thu số 0007431 ngày 21/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T5.

- Hoàn trả cho ông Bùi Thanh Q 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo Biên lai thu số 008727 ngày 12/5/2005 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã T (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

- Ông Đỗ Văn B và bà Dương Thị T10 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B, bà T10 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông B, bà T10 đã nộp theo Biên lai thu số 0009091 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

9. Về án phí phúc thẩm:

- Bà Đinh Thị Lệ H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Bùi Hoàng S, bà Bùi Thị Hương T12 và bà Bùi Thị Hương T13 mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông S đã nộp theo Biên lai thu số 0002041 ngày 31/3/2023, 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T12 đã nộp theo Biên lai thu số 0002052 ngày 09/02/2023 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T13 đã nộp theo Biên lai thu số 0002055 ngày 10/02/2023, cùng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông S, bà T12 và bà T13 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thu – Lê Thị Kim Nga

Trần Tấn Quốc

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P1C THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc

